

Bản án số: 167/2024/DS-ST

Ngày 24 - 6- 2024

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là thư ký Toà án nhân dân huyện Đàm D.

Ngày 24 tháng 6 N 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 4 N 2024 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 N 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Quốc Kh, sinh N 1965; địa chỉ cư trú: Ấp Cái Ng, xã Thanh T, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Võ Bé N, sinh N 1972; địa chỉ cư trú: Ấp Cái Ng, xã Thanh T, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Võ Bé N: Ông Nguyễn Quốc Kh, sinh N 1965; địa chỉ cư trú: Ấp Cái Ng, xã Thanh T, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Huỳnh Minh Ch; địa chỉ cư trú: Ấp Cái Ng, xã Thanh T, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Đoàn Thị U; địa chỉ cư trú: Ấp Cái Ng, xã Thanh T, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh trình bày:*

Ông Kh và bà Bé N có tham gia hội do ông Ch và bà U làm chủ, cụ thể như sau:

Dây hội thứ nhất: Mở ngày 15/4/2020, loại hội 1.000.000 đồng, ông Kh và bà N tham gia 2 phần, góp được 26 kỳ bằng 52.000.000 đồng thì ông Ch và bà U đình hội.

Dây hội thứ hai: Mở ngày 30/10/2020, loại hội 1.000.000 đồng, ông Kh và bà N tham gia 1 phần, góp được 11 kỳ bằng 11.000.000 đồng thì ông Ch và bà U đình hội.

Sau khi đình hội, bà U và ông Ch có thỏa thuận sẽ trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận, chỉ trả được 2.000.000 đồng và cố tình trốn tránh việc trả nợ. Nay ông Kh và bà Bé N yêu cầu ông Ch và bà U trả số tiền hội còn nợ là 61.000.000 đồng.

** Nguyên đơn bà Võ Bé N trình bày:* Bà thống nhất theo trình bày của ông Kh, không có ý kiến bổ sung.

** Bị đơn ông Huỳnh Minh Ch và bà Đoàn Thị U:* Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu Kh kiện của ông Kh và bà Bé N nhưng ông Ch và bà U không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Quốc Kh có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Huỳnh Minh Ch và bà Đoàn Thị U vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về phạm vi Kh kiện: Theo đơn Kh kiện ông Kh và bà Bé N yêu cầu ông Ch và bà U trả số tiền hội 63.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Kh và bà Bé N thay đổi yêu cầu Kh kiện, yêu cầu ông Ch và bà U trả 61.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu Kh kiện của ông Kh và bà Bé N không vượt quá phạm vi Kh kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Ông Kh và bà Bé N Kh kiện yêu cầu ông Ch và bà U trả số tiền hội 61.000.000 đồng. Thấy rằng, theo danh sách hội viên đối với các dây hội nên trên có thể hiện ông Kh là hội viên và số phần hội tham gia đúng như ông trình bày. Quá trình tham gia ông Kh và bà Bé N góp hội đầy đủ nhưng được một thời gian thì ông Ch và bà U tuyên bố đình hội, số tiền hội còn nợ ông Kh và bà Bé N là 61.000.000 đồng. Việc ông Ch và bà U đình hội nhưng không trả lại số tiền hội mà ông Kh và bà Bé N góp đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp

của ông Kh và bà Bé N. Do đó, ông Kh và bà Bé N có đơn Kh kiện ông, bà yêu cầu trả số tiền hui còn nợ là phù hợp.

Đối với ông Ch và bà U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để biết được yêu cầu Kh kiện của ông Kh và bà Bé N, nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, nội dung và yêu cầu Kh kiện của ông Kh và bà Bé N thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu Kh kiện của ông Kh và bà Bé N, buộc ông Ch và bà U có nghĩa vụ trả cho ông Kh và bà Bé N số tiền hui 61.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Ông Kh và bà Bé N không phải chịu do yêu cầu Kh kiện được chấp nhận, số tiền ông Kh và bà Bé N đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D được nhận lại; ông Huỳnh Minh Ch và bà Đoàn Thị U phải chịu 3.050.000 đồng (61.000.000 đồng x 5% = 3.050.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 147, khoản 2 Điều 92, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu Kh kiện của ông Nguyễn Quốc Kh và bà Võ Bé N. Buộc ông Huỳnh Minh Ch và bà Đoàn Thị U trả cho ông Nguyễn Quốc Kh và bà Võ Bé N số tiền hui 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Quốc Kh và bà Võ Bé N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Minh Ch và bà Đoàn Thị U chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông Ch và bà U còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Quốc Kh và bà Võ Bé N không phải chịu, ông Huỳnh Minh Ch và bà Đoàn Thị U đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.575.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001107 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D được nhận lại; ông Huỳnh Minh Ch và bà Đoàn Thị U phải chịu 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm N mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai**